

Bản án: 178/2022/DS-PT

Ngày 25 – 3 – 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2021/TLPT-DS ngày 7 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Võ Quang V, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 54, đường N, khóm K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Đại diện hợp pháp của ông Võ Quang V: Bà Lê Lâm T, sinh năm 1970; địa chỉ: 16 đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- ***Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Bà Phan Thị Mỹ T2, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 932A/47, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của bà Phan Thị Mỹ T2: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 932A/47, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Tiến V1, Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Tiến V1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

Địa chỉ trụ sở: Số 442, đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A: Ông Thạch Hóach Thi; địa chỉ: 2/10 C, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, đơn xin vắng mặt).

2. Ông Trần Quốc C, sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số 09, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Quốc C: Ông Trần Văn C2, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 609/25B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Ông Trần Văn C2, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 609/25B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

4. Ông Nguyễn Ngọc Huy N1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

5. Bà Phan Thái Bích T2, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 8/56, đường Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Xuyên, thành phố L, tỉnh An Giang (địa chỉ liên lạc: 300/2, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang).

6. Bà Võ Thị N3, sinh năm 1953; Hộ khẩu thường trú: Số 54, đường N, khóm Bình Long 1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Địa chỉ hiện nay: 12067 Drake Rd, N.Royalton, OHIO 44133 USA.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị N3: Bà Lâm Hồ Q, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 54, đường N, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Bạch Y1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 68, khóm Bình Khánh 5, phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Võ Quang V trình bày:** Ngày 17/5/2016 ông V có cho ông Nguyễn Hữu T1 vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày

17/5/2016. Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc, lãi suất vay thỏa thuận là 09%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích cho ông T1 vay là để tiêu dùng. Khi đến hạn thanh toán tiền vay, ông T1 chưa có khả năng trả nợ và đề nghị gia hạn thêm 01 tháng, 02 tháng và liên tục khất nợ cho đến nay chưa thanh toán. Trong quá trình vay, ông T1 đã trả lãi được 82.133.330 đồng tính đến ngày 17/5/2017, lãi đóng hàng tháng chuyển vào tài khoản của bà Võ Thị N3 theo các phiếu chuyển khoản trả nợ vay:

- Ngày 06/6/2016 là 4.037.500 đồng;
- Ngày 06/7/2016 là 6.375.000 đồng;
- Ngày 05/8/2016 là 6.587.500 đồng;
- Ngày 15/9/2016 là 7.490.000 đồng;
- Ngày 10/10/2016 là 7.020.000 đồng;
- Ngày 11/11/2016 là 7.130.000 đồng;
- Ngày 13/12/2016 là 7.440.000 đồng;
- Ngày 14/01/2017 là 7.430.000 đồng;
- Ngày 16/02/2017 là 7.160.065 đồng;
- Ngày 16/3/2017 là 6.950.765 đồng;
- Ngày 15/4/2017 là 7.237.500 đồng.
- Ngày 15/5/2017 là 7.275.000 đồng.

Ông V yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2 (vợ ông T1) cùng liên đới trả cho ông số tiền vốn gốc là 900.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17/5/2017 cho đến khi thanh toán nợ xong. Yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 03/7/2017 phong tỏa tài sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 029307 (số vào sổ CH 001139) do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 10/11/2010 cho ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2, diện tích 67,2 m² thửa số 389, tờ bản đồ 62.

**** Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Mỹ T2) trình bày:***

Ông Nguyễn Hữu T1 có ký hợp đồng vay tiền của ông Võ Quang V vào ngày 17/5/2016, vốn vay và lãi suất như trình bày của ông V. Sau khi vay, có trả lãi đến ngày 15/5/2017 với số tiền là 82.133.330 đồng như trình bày của ông V.

Tuy nhiên, ông T1 cho rằng, việc ông vay tiền của ông V là phát sinh từ việc khắc phục khoản vay của khách hàng Huỳnh Hữu Tài đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Phòng giao dịch L.

Ông Trần Quốc C, Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh An Giang có ban hành quyết định ngày 13/5/2016 buộc ông T1 và ông Nguyễn Ngọc Huy N1 mỗi người phải có trách nhiệm chịu 50% để trả số tiền vay của khách hàng Huỳnh Hữu Tài. Từ đó mới phát sinh việc ông vay tiền của ông V để khắc phục khoản vay của khách hàng Huỳnh Hữu Tài. Do khách hàng Huỳnh Hữu Tài chưa trả nợ cho Ngân hàng, ông đã sử dụng tiền vay này chuyển trả cho Ngân hàng (khoản vay của Tài) sau khi nhận tiền nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông V. Ông T1 yêu cầu Ngân hàng TMCP A có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho ông V.

Ông T1 cho rằng, bà Phan Thị Mỹ T2 (vợ ông T1) không có liên quan đến việc vay tiền giữa ông với ông V, nên không có nghĩa vụ trả nợ cho ông V.

Ông T1 yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 03/7/2017 phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của ông và bà Mỹ Thanh.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Trần Văn C2 (đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông C) trình bày: Ông C không có liên quan gì đến hợp đồng vay giữa ông T1 và ông V. Việc ông T1 vay tiền của ông V là trên cơ sở các biên bản họp, ông T1 và ông N1 thống nhất mỗi người có trách nhiệm chịu 50% nghĩa vụ của Huỳnh Hữu Tài với Ngân hàng. Ông C không ép buộc ông T1 vay tiền của ông V.

Trong việc thanh toán tiền vay của khách hàng Huỳnh Hữu Tài tại Ngân hàng TMCP A, phòng giao dịch Bình Khánh, ông C2 là người trực tiếp thực hiện, trong phiếu chuyển tiền ghi người nộp là ông T1.

- Bà Lâm Hồ Quyên đại diện ủy quyền của bà Võ Thị N3 trình bày: Thống nhất theo yêu cầu của ông V về việc yêu cầu ông T1 trả vốn vay và tiền lãi.

- Bà Huỳnh Như đại diện Ngân hàng TMCP A trình bày: Ngân hàng không liên quan đến việc vay tiền giữa ông T1 và ông V. Đối với ý kiến của ông T1 yêu cầu Ngân hàng trả nợ cho ông V thì Ngân hàng không đồng ý.

- Ông Nguyễn Ngọc Huy N1 trình bày: Ông hoàn toàn không biết ông T1 vay tiền của ông V và cũng không rõ mục đích vay. Ông không liên quan đến việc vay tiền giữa ông V và ông T1 nên không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa ông V và ông T1.

- Bà Phan Thái Bích T2 trình bày: Bà hoàn toàn không biết và cũng không liên quan đến vụ tranh chấp giữa ông V và ông T1 nên không có ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Bạch Y1: Bà có nhận chuyển nhượng đất tọa lạc tại phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh An Giang của ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2 nhưng không thực hiện được việc sang tên chuyển quyền sử dụng đất. Bà và ông T1, bà T đã thỏa thuận không tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng và không có tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 271, 273, 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quang Vinh.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm trả cho ông Võ Quang V vốn vay và tiền lãi là: 1.383.853.000 đồng (*một tỷ ba trăm tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Quang V về việc buộc bà Phan Thị Mỹ T2 có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Hữu T1 trả nợ vay phát sinh theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2016 giữa ông Nguyễn Hữu T1 và ông Võ Quang V.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 03/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Hủy bỏ biện pháp bảo đảm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-BPBD ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, ông V được nhận lại tiền thực hiện biện pháp bảo đảm là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đã nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 8 tháng 02 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang V; hủy Quyết định số 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 03/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm đã bỏ sót người tham gia tố tụng như Huỳnh Ngọc Tuấn, Huỳnh Hữu Tài và Cao Thị Hoàng Oanh là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra việc

ký hợp đồng vay tiền là phát sinh từ khắc phục khoản vay của khách hàng Huỳnh Hữu Tài theo yêu cầu của ông Trần Quốc C – Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh An Giang.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì thực tế có sự việc vay tài sản giữa ông V và ông T1. Việc vay tài sản không phải là hợp đồng giả cách như bị đơn trình bày. Do đó nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo quy định pháp luật về nội dung và thời hạn kháng cáo.

- Về nội dung: Ngày 17/5/2016, ông V cho ông T1 vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc vay mượn có lập hợp đồng vay, được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Ông T1 đã trả lãi cho ông V từ ngày 06/6/2016 đến ngày 15/5/2017 được 82.133.330 đồng. Ông T1 đã sử dụng số tiền vay để trả khoản nợ của ông Huỳnh Hữu Tài đối với Ngân hàng TMCP A. Do ông T1 không thanh toán nợ theo cam kết nên ông V khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông T1 trả gốc 900.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17/5/2017 cho đến khi thanh toán nợ xong.

Nhận thấy việc vay mượn giữa ông V và ông T1 được công chứng hợp lệ, là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng vay tiền phù hợp với quy định của pháp luật. Ông T1 đã sử dụng tiền vay để thanh toán cho khoản vay của Huỳnh Hữu Tài với Ngân hàng và đã thực hiện việc trả lãi cho ông V trong thời gian dài cho thấy thỏa thuận vay tiền giữa ông T1 và ông V là thực tế, nội dung thỏa thuận về vốn vay tiền lãi phù hợp với Hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2016. Hợp đồng đã được các bên xác lập và thực hiện nên không thể xem là hợp đồng giả tạo. Ông T1 cho rằng mình bị ép buộc vay tiền của ông V để trả nợ cho khách hàng Huỳnh Hữu Tài nhưng không có chứng cứ chứng minh điều này, theo lời khai của ông T1 tại Biên bản đối chất ngày 25/4/2019 thì ông biết được quyết định ngày 13/5/2016 sau khi đã vay tiền của ông V, ông T1 đã thực hiện việc trả lãi theo thỏa thuận trong một thời gian dài. Do đó, việc ông T1 khai bị ép buộc vay tiền của ông V là không có cơ sở. Bà T vợ ông T1 không tham gia ký kết hợp đồng vay tiền và bà T không sử dụng tiền vay và việc vay tiền của ông T1 cũng không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà T không có trách nhiệm liên đới cùng ông T1 trong việc trả nợ phát sinh.

Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ bên vay Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vinh về việc buộc ông T1 trả tiền vốn và lãi, bác phần yêu cầu của ông V về việc buộc bà T liên đới với ông T1 trong trả nợ vay là phù hợp với thực tế và có căn cứ, đã đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn ông T1 và bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2 được nộp trong hạn luật định, đã thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí do đó là kháng cáo hợp lệ.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Quang V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2 trả nợ vay theo hợp đồng, vụ án có yếu tố nước ngoài. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” còn thời hiệu khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ngày 17/5/2016 ông V có cho ông Nguyễn Hữu T1 vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 17/5/2016. Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc, lãi suất vay thỏa thuận là 09%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích cho ông T1 vay là để tiêu dùng. Ông T1 không trả đúng hạn, khất nợ nhiều lần và mới thanh toán tiền lãi được 82.133.330 đồng tính đến ngày 17/5/2017. Do đó ông V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1 trả nợ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, ông T1 cho rằng, việc ông vay tiền của ông V là phát sinh từ việc khắc phục khoản vay của khách hàng Huỳnh Hữu Tài đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Phòng giao dịch L.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm:

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào

tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Hữu T1 có yêu cầu độc lập đối với NHTM cổ phần A nhưng đã được Tòa sơ thẩm giải quyết bằng Thông báo số 725/TB-TA ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Sau đó ông Nguyễn Hữu T1 khiếu nại và đã được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo Quyết định số 05/2020/QĐ-GQKN ngày 31/8/2020 và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định số 91/2020/QĐ-GQKN ngày 26/11/2020, không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T1. Đồng thời Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xác định ông (bà) Huỳnh Ngọc Tuấn, Huỳnh Hữu Tài và Cao Thị Hoàng Oanh không có quyền hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vay tiền giữa ông T1 với ông V là có căn cứ, đúng quy định.

[3.2] Đối với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm:

Hợp đồng vay tài sản ký kết ngày 17/5/2016 giữa ông Võ Quang V và ông Nguyễn Hữu T1 được công chứng tại Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc, đã thể hiện ý chí tự nguyện thoả thuận giữa các bên. Ông T1 cho rằng bị ép buộc vay tiền của ông V nhưng qua nội dung Quyết định của Trưởng Cụm An Giang (về việc xem xét hồ sơ vay của khách hàng Huỳnh Hữu Tài) ngày 13/5/2016 do Giám đốc Trần Quốc C ký thì không thể hiện nội dung buộc ông T1 phải vay tiền của ông V. Ngoài ra, theo lời khai của ông T1 tại Biên bản đối chất ngày 25/4/2019 do Tòa án lập, ông T1 trình bày biết được Quyết định ngày 13/5/2016 sau khi đã vay tiền của ông V và sau khi vay tiền, ông T1 đã thực hiện việc trả lãi theo thoả thuận trong một thời gian dài (06/6/2016 đến ngày 15/5/2017).

Đồng thời, ông T1 cho rằng không nhận tiền từ ông V mà nhận tiền từ ông C, nhưng trên thực tế, ông T1 đã sử dụng tiền vay để thanh toán cho khoản vay của Huỳnh Hữu Tài với Ngân hàng và đã thực hiện việc trả lãi cho ông V trong thời gian dài cho thấy thoả thuận vay tiền giữa ông T1 và ông V là thực tế, nội dung thoả thuận về vốn vay và tiền lãi phù hợp với Hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2016. Hợp đồng đã được các bên xác lập và thực hiện nên không phải là hợp đồng giả cách như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn.

Về nội dung và hình thức hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2016 không trái quy định của luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các các bên. Ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ bên vay, không thực hiện việc trả vốn vay và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quang V là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị Mỹ T2 không cung cấp được chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị Mỹ T2 phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Mỹ T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 271, 273, 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quang Vinh.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm trả cho ông Võ Quang V vốn vay và tiền lãi là: 1.383.853.000 đồng (*một tỷ ba trăm tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Quang V về việc buộc bà Phan Thị Mỹ T2 có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Hữu T1 trả nợ vay phát sinh theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2016 giữa ông Nguyễn Hữu T1 và ông Võ Quang V.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 03/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Hủy bỏ biện pháp bảo đảm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-BPBD ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, ông V được nhận lại tiền thực hiện

biện pháp bảo đảm là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đã nộp vào tài khoản phong toả tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang.

[2] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T1, bà Phan Thị Mỹ T2 phải chịu mỗi người 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0009398, 0009399 cùng ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[4] Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (1)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh An Giang; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (2)
- NLQ; (7)
- Lưu VT (6), HS (2) T.23 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long